

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 08 năm 2023

THỎA THUẬN KHUNG

Số: 04 /TTK-TTMS-NAMHA

Về việc cung cấp thuốc Gói thầu số 02: Cung cấp 19 mặt hàng thuốc cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên (mã hiệu: ĐTTT.02.2023)

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Dược ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Nghị quyết số 112/NQ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ về việc thành lập Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BYT ngày 09/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục tại Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp và Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BYT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1650/QĐ-BYT ngày 27/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2739/QĐ-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia thực hiện năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-TTMS ngày 05/7/2023 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu qua mạng các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 85/QĐ-TTMS ngày 22/8/2023 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt danh sách nhà thầu và các thuốc đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật Gói thầu số 02: Cung cấp 19 mặt hàng thuốc cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên (mã hiệu: ĐTTT.02.2023);

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-TTMS ngày 23/8/2023 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu Gói thầu số 02: Cung cấp 19 mặt hàng thuốc cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên (mã hiệu: ĐTTT.02.2023);

Căn cứ Quyết định số 92/QĐ-TTMS ngày 29/8/2023 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 02: Cung cấp 19 mặt hàng thuốc cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên (mã hiệu: ĐTTT.02.2023);

Căn cứ Công văn số 648/TTMS-NVĐT ngày 29/8/2023 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao thỏa thuận khung;

Căn cứ Công văn số 145/CV-DNH23 ngày 30/08/2023 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà về việc chấp thuận ký Thỏa thuận khung;

Hôm nay, ngày 31 tháng 08 năm 2023, tại Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Trung tâm MSTTTQG), 138A Giảng Võ - Ba Đình - Hà Nội, chúng tôi gồm:

I. Cơ quan ký thỏa thuận khung (sau đây gọi là Bên A):

- Tên Chủ đầu tư: Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia
- Đại diện: Ông Lê Thanh Dũng
- Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: 024 62732383

II. Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

- Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà
- Mã số thuế: 0600206147

Y
UNG TÂN
AUA SẮ
TRUNG
QUỐC

yl

- Đại diện: Ông Hoàng Minh Tiến
 - Chức vụ: Giám đốc khối kinh doanh ETC
 (Giấy ủy quyền số: 2307/UQ.ETC.23 ngày 10/7/2023)
 - Địa chỉ: Số 415 đường Hàn Thuyên - Phường Vị Xuyên - Thành phố Nam Định - Nam Định.

- Điện thoại: 02283 649 408
- Tài khoản: 118635826868
- Tại ngân hàng: TMCP Công Thương VN-Chi nhánh Hoàng Mai-Hà Nội
- Mã ngân hàng: 01201014

Hai bên thống nhất ký kết Thỏa thuận khung cho việc cung cấp thuốc cho cơ sở y tế tại các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên theo kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 02: Cung cấp 19 mặt hàng thuốc cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên (mã hiệu: ĐTTT.02.2023) như sau:

1. Phạm vi cung cấp

- Phạm vi cung cấp là mặt hàng thuốc trúng thầu theo số lượng phân bổ cho các cơ sở y tế trên địa bàn miền Trung và khu vực Tây Nguyên tại Quyết định số 92/QĐ-TTMS ngày 29/8/2023 của Trung tâm MSTTTQG (*Chi tiết tại Phụ lục 1; Phụ lục 2 kèm theo*).
- Trên cơ sở Thỏa thuận khung này, Nhà thầu và các cơ sở y tế trên địa bàn tại các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên sẽ ký hợp đồng để cung ứng thuốc cho từng cơ sở y tế.

2. Thời gian, địa điểm giao hàng:

- Nhà thầu giao hàng làm nhiều đợt trong thời gian từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/8/2024 quy định trong hợp đồng cụ thể với cơ sở y tế.
- Các cơ sở y tế (bên mua) dự trữ số lượng thuốc tùy theo nhu cầu thực tế của từng đơn vị; nhà thầu phải đáp ứng cung cấp đủ số lượng, đạt chất lượng hàng hóa theo thời gian thỏa thuận với bên mua được quy định trong hợp đồng. Bên mua có thể dự trữ hàng đợt xuất khi cần thiết phục vụ kịp thời cho công tác khám chữa bệnh.
- Thời gian giao hàng theo tiến độ với số lượng cụ thể được thể hiện trong hợp đồng mua sắm thuốc giữa các cơ sở y tế tại các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên và nhà thầu. (*Danh sách các cơ sở y tế tại các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên được đính kèm*).
- Địa điểm giao hàng: Hàng hoá được giao tại kho của bên mua theo danh mục các cơ sở y tế tại phụ lục đính kèm.

3. Điều kiện bàn giao hàng hóa, thanh toán, thanh lý hợp đồng

3.1. Điều kiện bàn giao hàng hóa

- Thuốc cung cấp phải bảo đảm về tiêu chuẩn kỹ thuật được nêu trong Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Bộ Y tế. Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho các cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm

THUỐC
31A

trở lên; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm.

- Thuốc phải được đóng gói, dán nhãn đúng quy cách được nêu trong Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu. Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định và phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.

- Có phiếu kiểm nghiệm cho từng lô thuốc theo quy định, có giấy báo lô và hạn dùng của thuốc (có thể in trên hóa đơn bán hàng) khi giao hàng.

- Về vận chuyển: Nhà thầu phải vận chuyển hàng hoá đến kho của các cơ sở y tế, Nhà thầu phải chịu mọi chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng, phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình vận chuyển, quy trình vận chuyển phải phù hợp với nguyên tắc “Thực hành tốt phân phối thuốc - GDP” mà nhà thầu đã đạt được.

3.2. Điều kiện thanh toán

- Phương thức thanh toán: Các cơ sở y tế ký hợp đồng mua bán với nhà thầu thực hiện thanh toán cho nhà thầu bằng chuyển khoản hoặc hình thức phù hợp theo quy định hiện hành.

- Thời hạn thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo đúng quy định của pháp luật (phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán được cụ thể trong hợp đồng).

- Đối với các cơ sở y tế tư nhân, phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán sẽ theo thỏa thuận cụ thể giữa nhà thầu và cơ sở y tế trong hợp đồng.

3.3. Thanh lý hợp đồng: Thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Mức giá trần tương ứng với từng loại hàng hóa

- Đơn giá thuốc trong hợp đồng mua sắm hàng hoá được ký kết giữa nhà thầu với các cơ sở y tế không vượt quá giá trúng thầu đã được Giám đốc Trung tâm MSTTTQG phê duyệt tại Quyết định số 92/QĐ-TTMS ngày 29/8/2023 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 02: Cung cấp 19 mặt hàng thuốc cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên (mã hiệu: ĐTTT.02.2023).

5. Hướng dẫn sử dụng hàng hóa, điều kiện bảo hành

- Hàng hóa cung cấp có nhãn đúng quy định về nhãn thuốc, có tờ hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam.



- Nhà thầu phải thu hồi và đổi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của cơ sở y tế.
- Kiểm tra, thử nghiệm hàng hoá thực hiện theo quy định trong Điều kiện chung nêu tại Chương VI và Điều kiện cụ thể nêu tại Chương VII của Hồ sơ mời thầu.

6. Trách nhiệm của nhà thầu trong việc cung cấp hàng hóa

- Ký hợp đồng mua bán thuốc với các cơ sở y tế theo số lượng của từng mặt hàng trúng thầu đã phân bổ cho từng cơ sở y tế. Nhà thầu có trách nhiệm tổng hợp gửi Trung tâm MSTTTQG và Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương/Sở Y tế mỗi đơn vị 01 bản gốc hợp đồng đã ký trong vòng 45 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực. Đồng thời gửi bản scan tất cả hợp đồng đã ký với các cơ sở y tế về Trung tâm MSTTTQG (địa chỉ email: nghiệpvudauthau.ttms@moh.gov.vn, trungtammstt@gmail.com hoặc gửi trực tiếp USB).
- Bảo đảm số lượng thuốc trúng thầu tồn kho hàng tháng đủ cung ứng cho cơ sở y tế ít nhất trong vòng 01 tháng.
- Cung ứng đầy đủ thuốc và đúng tiến độ theo đúng chủng loại, số lượng, đơn giá không vượt quá giá trúng thầu đã được Giám đốc Trung tâm MSTTTQG phê duyệt.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm và các yêu cầu trong điều kiện chung nêu tại Chương VI và điều kiện cụ thể nêu tại Chương VII của hồ sơ mời thầu và của hợp đồng đã ký giữa Nhà thầu với các cơ sở y tế.
- Thực hiện chế độ báo cáo cho Trung tâm MSTTTQG về tình hình xuất, nhập và tồn kho thuốc theo định kỳ hàng tháng, hàng quý và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu tại địa chỉ www.ttms.moh.gov.vn theo Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia do Trung tâm MSTTTQG ban hành.
- Trường hợp các cơ sở y tế có nhu cầu mua tăng thêm hoặc đã được Đơn vị Mua sắm tập trung cấp địa phương/Sở Y tế/Trung tâm MSTTTQG chấp nhận điều tiết các thuốc trúng thầu, nhà thầu có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/QĐ-TTMS ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc ban hành Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và danh mục Đàm phán giá (ban hành lần 3).

7. Trách nhiệm của các cơ sở y tế

- Hoàn thiện và ký hợp đồng cung cấp thuốc với Nhà thầu sau khi nhận được thông báo trúng thầu theo danh mục, số lượng chủng loại với giá không vượt quá giá trúng thầu đã được Giám đốc Trung tâm MSTTTQG phê duyệt.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: kể từ ngày ký đến hết ngày 31/8/2024.
- Bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất để tiếp nhận, bảo quản, quản lý, sử dụng thuốc trong công tác khám chữa bệnh, thanh lý hợp đồng theo quy định.


 G T A
 A S A
 H U O C
 U O C

- Các cơ sở y tế có trách nhiệm bảo đảm sử dụng tối thiểu 80% số lượng thuốc đã đề nghị mua sắm tập trung và đã được phân bổ trong thỏa thuận khung.
- Báo cáo tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu tập trung cấp quốc gia định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu tại địa chỉ www.ttms.moh.gov.vn theo Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia do Trung tâm MSTTTQG ban hành, cụ thể:

+ Trước ngày 10 tháng đầu tiên của mỗi quý hoặc đột xuất theo yêu cầu, cơ sở y tế do địa phương quản lý, cơ sở y tế do Bộ, ngành quản lý trên địa bàn gửi báo cáo tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu tập trung cấp quốc gia về Đơn vị mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương tương ứng.

+ Trước ngày 15 tháng đầu tiên của mỗi quý hoặc đột xuất theo yêu cầu, cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế báo cáo quá trình thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp quốc gia gửi về Trung tâm MSTTTQG.

+ Báo cáo ngay những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng để xem xét giải quyết.

- Trường hợp nhu cầu mua thuốc của cơ sở y tế do địa phương quản lý, cơ sở y tế do Bộ, ngành quản lý trên địa bàn có nhu cầu sử dụng thuốc vượt quá 20% số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung thì phải báo cáo Đơn vị mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương để tổng hợp và điều tiết số lượng thuốc giữa các cơ sở y tế thuộc phạm vi cung cấp tại địa phương nhưng bảo đảm không vượt quá 20% tổng số lượng được phân bổ trong thỏa thuận khung cho các đơn vị thuộc phạm vi cung cấp tại địa phương. Việc mua tăng thêm số lượng thuốc được thực hiện theo quy định hiện hành.

- Trường hợp nhu cầu sử dụng thuốc của các cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế vượt số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung hoặc nhu cầu của cơ sở y tế do địa phương quản lý, cơ sở y tế do Bộ, ngành quản lý trên địa bàn vượt quá khả năng điều tiết của đơn vị mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương hoặc cơ sở y tế phát sinh nhu cầu sử dụng mặt hàng thuốc nhưng chưa tổng hợp nhu cầu khi xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc thì phải báo cáo Trung tâm MSTTTQG để điều tiết số lượng thuốc giữa các đơn vị theo Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung Quốc gia do Trung tâm MSTTTQG ban hành.

8. Trách nhiệm của các Đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương/Sở Y tế các tỉnh, thành phố, Y tế các bộ ngành

- Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và thỏa thuận khung đến các cơ sở y tế thuộc phạm vi cung cấp của Thỏa thuận khung theo quy định.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà thầu trong việc thương thảo và ký hợp đồng với các cơ sở y tế.

- Trước ngày 15 tháng đầu tiên của mỗi quý hoặc đợt xuất theo yêu cầu, Đơn vị mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương/Sở Y tế các tỉnh, thành phố có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc trúng thầu của các cơ sở y tế do địa phương quản lý, cơ sở y tế do Bộ, ngành quản lý trên địa bàn tại địa chỉ www.ttms.moh.gov.vn theo Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia do Trung tâm MSTTTQG ban hành.
- Báo cáo ngay những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng tại các cơ sở y tế địa phương/y tế các bộ ngành với Trung tâm MSTTTQG để giải quyết.
- Thực hiện việc điều tiết đối với trường hợp nhu cầu mua thuốc của cơ sở y tế do địa phương quản lý, cơ sở y tế do Bộ, ngành quản lý trên địa bàn có nhu cầu sử dụng thuốc vượt quá 20% số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung nhưng bảo đảm không vượt quá 20% tổng số lượng được phân bổ trong thỏa thuận khung cho các đơn vị thuộc phạm vi cung cấp tại địa phương theo các bước hướng dẫn và quy định tại Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia do Trung tâm MSTTTQG ban hành để bảo đảm sử dụng tối thiểu 80% số lượng thuốc đã đề nghị mua sắm tập trung và đã được phân bổ trong Thỏa thuận khung.
- Trường hợp nhu cầu sử dụng thuốc của các cơ sở y tế do địa phương quản lý, cơ sở y tế do Bộ, ngành quản lý trên địa bàn vượt quá khả năng điều tiết của đơn vị mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương hoặc cơ sở y tế phát sinh nhu cầu sử dụng mặt hàng thuốc nhưng chưa tổng hợp nhu cầu khi xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, Đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương/Sở Y tế các tỉnh, thành phố có trách nhiệm xem xét số lượng phát sinh nhu cầu của cơ sở y tế và có ý kiến bằng văn bản gửi Trung tâm MSTTTQG để điều tiết số lượng thuốc giữa các đơn vị theo Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia do Trung tâm MSTTTQG ban hành.

9. Trách nhiệm của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia

- Công khai thỏa thuận khung trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế và thông báo bằng văn bản đến các đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương, sở y tế các tỉnh/thành phố, y tế các bộ ngành và cơ sở y tế thuộc Bộ Y tế.
- Cung cấp các thông tin cần thiết để các đơn vị trúng thầu tiến hành ký kết hợp đồng cung cấp thuốc với các cơ sở y tế.
- Chủ trì, phối hợp với nhà thầu và các đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương, Sở Y tế các tỉnh/thành phố, y tế các bộ ngành để giải quyết kịp thời các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình cung cấp thuốc tại các cơ sở y tế.
- Hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Y
TRUNG
MUA
ÁP TRU
QU
HUỐC
IA

- Thực hiện điều tiết trong trường hợp nhu cầu sử dụng thuốc của các cơ sở y tế do địa phương quản lý, cơ sở y tế do Bộ, ngành quản lý trên địa bàn vượt quá khả năng điều tiết của đơn vị mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương hoặc cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế hoặc cơ sở y tế phát sinh nhu cầu sử dụng mặt hàng thuốc nhưng chưa tổng hợp nhu cầu khi xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc. Số lượng điều tiết của Trung tâm MSTTTQG không vượt quá 30% tổng số lượng đã được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia.

10. Hiệu lực và thời hạn thực hiện thỏa thuận khung

- Thỏa thuận khung này là cơ sở để các cơ sở y tế ký hợp đồng mua thuốc với nhà thầu cung cấp thuốc.
- Thời gian thực hiện Thỏa thuận khung: kể từ ngày ký đến hết ngày 31/8/2024.

11. Xử phạt do vi phạm

- Việc xử phạt do vi phạm các điều khoản của Thỏa thuận khung/Hợp đồng đã ký kết được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Thỏa thuận khung này được làm thành 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./. *ph*

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
GIÁM ĐỐC KHỐI KINH
DOANH ETC** *ph*



Hoàng Minh Tiến

**ĐẠI DIỆN TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA
GIÁM ĐỐC** *ph*



Lê Thanh Dũng

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC THUỐC

Gói thầu số 02: Cung cấp 19 mặt hàng thuốc cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên (mã hiệu: ĐTTT.02.2023)

(Kèm theo Thỏa thuận khung số 04 /TTK-TTMS-NAMHA ngày 31 tháng 08 năm 2023)

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Nhóm TCKT	Hạn dùng (tuổi thọ)	GDCLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	377.515	54.900	20.725.573.500
TỔNG CỘNG																	20.725.573.500

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU



GIÁM ĐỐC KHỐI KINH DOANH ETC

Th.s Hoàng Minh Tiến

ĐẠI DIỆN TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA



Lê Thanh Dũng

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2: PHẠM VI CUNG CẤP CHI TIẾT
Gói thầu số 02: Cung cấp 19 mặt hàng thuốc cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên (mã hiệu: ĐTTT.02.2023)
(Kèm theo Thỏa thuận khung số /TTK-TTMS-NAMHA ngày tháng năm 2023)

STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Nhóm TCKT	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Tiền độ cung cấp (*)				Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Cơ sở y tế	Đầu mối tổng hợp nhu cầu	Mã KCB
														Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4						
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841- 17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	2.000	2.000	2.400	2.400	8.800	54.900	483.120.000	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới	Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia	44005
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841- 17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	480	480	480	560	2.000	54.900	109.800.000	Bệnh viện Phong - Da liễu trung ương Quy Hòa	Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia	52010
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841- 17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	3.200	3.200	3.200	3.200	12.800	54.900	702.720.000	Bệnh viện Trung ương Huế	Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia	46001
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841- 17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	80	80	80	80	320	54.900	17.568.000	Trung tâm y tế huyện Chư Sê	Sở Y Tế Gia Lai	64007
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841- 17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	600	600	600	600	2.400	54.900	131.760.000	Trung tâm y tế huyện Can Lộc	Sở Y Tế Hà Tĩnh	42006
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841- 17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	1.000	1.000	1.000	1.000	4.000	54.900	219.600.000	Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ	Sở Y Tế Hà Tĩnh	42004
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841- 17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	400	400	400	400	1.600	54.900	87.840.000	Bệnh viện đa khoa KVCKQT Cầu Treo	Sở Y Tế Hà Tĩnh	42021
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841- 17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	1.200	1.200	1.200	1.200	4.800	54.900	263.520.000	Bệnh viện đa khoa Thành phố Hà Tĩnh	Sở Y Tế Hà Tĩnh	42001
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841- 17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	1.000	1.000	1.000	1.000	4.000	54.900	219.600.000	Bệnh viện Đa khoa Thị xã Kỳ Anh	Sở Y Tế Hà Tĩnh	42010
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841- 17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	20	20	20	20	80	54.900	4.392.000	Bệnh viện đa khoa TTH Hà Tĩnh	Sở Y Tế Hà Tĩnh	42337
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841- 17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	2.000	2.000	2.000	2.000	8.000	54.900	439.200.000	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HUƠNG SƠN	Sở Y Tế Hà Tĩnh	42003
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841- 17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	500	500	500	500	2.000	54.900	109.800.000	Trung tâm y tế huyện Kỳ Anh	Sở Y Tế Hà Tĩnh	42339
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841- 17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	600	600	600	600	2.400	54.900	131.760.000	Trung tâm y tế huyện Nghi Xuân	Sở Y Tế Hà Tĩnh	42005
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841- 17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	100	100	100	100	400	54.900	21.960.000	Trung tâm Y tế thị xã Hồng Lĩnh	Sở Y Tế Hà Tĩnh	42002
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841- 17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	6.000	6.000	6.000	6.000	24.000	54.900	1.317.600.000	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	Sở Y Tế Kon Tum	62001
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841- 17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	288	288	288	288	1.152	54.900	63.244.800	Bệnh viện II Lâm Đồng	Sở Y Tế Lâm Đồng	68650
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841- 17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	2.400	2.400	2.400	2.400	9.600	54.900	527.040.000	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng	Sở Y Tế Lâm Đồng	68001

11/10/23/11

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm độ	Dạng dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Nhóm	Hạn dùng (tuổi thọ)	Hạng dùng	Mã GPKH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Tiền đề cung cấp (*)				Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Cơ sở y tế	Đầu mối tổng hợp nhu cầu	Mã KCB
2	101DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1.06.N2	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty Dược Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	Đơn vị	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	10 912	54.900	599.068.800	Công ty Cổ phần bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Đà Lạt	Sở Y Tế Lâm Đồng	68038
2	101DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1.06.N2	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty Dược Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	Đơn vị	600	600	600	600	2.400	54.900	131.760.000	Bệnh viện đa khoa Diên Châu	Sở Y Tế Nghệ An	40007
2	101DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1.06.N2	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty Dược Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	Đơn vị	1.000	1.000	1.000	1.000	4.000	54.900	219.600.000	Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	Sở Y Tế Nghệ An	40005
2	101DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1.06.N2	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty Dược Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	Đơn vị	800	800	800	800	3.200	54.900	175.680.000	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Lưu	Sở Y Tế Nghệ An	40008
2	101DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1.06.N2	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty Dược Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	Đơn vị	4.000	4.000	4.000	4.000	16.000	54.900	878.400.000	Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Chương	Sở Y Tế Nghệ An	40004
2	101DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1.06.N2	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty Dược Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	Đơn vị	3.000	3.000	3.000	3.000	12.000	54.900	658.800.000	Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Bắc tỉnh Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	40011
2	101DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1.06.N2	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty Dược Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	Đơn vị	2.000	2.000	2.000	2.000	8.000	54.900	439.200.000	Bệnh viện đa khoa KV Tây Nam Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	40013
2	101DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1.06.N2	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty Dược Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	Đơn vị	7.200	7.200	8.000	8.000	30.400	54.900	1.668.960.000	Bệnh viện đa khoa Phú Diễn	Sở Y Tế Nghệ An	40545
2	101DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1.06.N2	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty Dược Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	Đơn vị	4.800	4.800	4.800	4.800	19.200	54.900	1.054.080.000	Bệnh viện hữu nghị đa khoa tỉnh Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	40001
2	101DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1.06.N2	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty Dược Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	Đơn vị	280	280	280	280	1.120	54.900	61.488.000	Bệnh viện Phổi Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	40040
2	101DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1.06.N2	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty Dược Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	Đơn vị	3.360	3.360	3.360	3.360	13.440	54.900	737.856.000	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	40149
2	101DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1.06.N2	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty Dược Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	Đơn vị	320	320	320	320	1.200	54.900	65.880.000	Trung tâm Y tế huyện Quế Phong	Sở Y Tế Nghệ An	40018
2	101DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1.06.N2	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty Dược Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	Đơn vị	1.200	1.200	1.200	1.200	4.800	54.900	263.520.000	Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ	Sở Y Tế Nghệ An	40012
2	101DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1.06.N2	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty Dược Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	Đơn vị	80	80	80	80	320	54.900	17.568.000	Trung tâm y tế Thị xã Cửa Lò	Sở Y Tế Nghệ An	40020
2	101DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1.06.N2	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty Dược Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	Đơn vị	60	60	60	60	240	54.900	13.176.000	Trung tâm y tế thị xã Hoàng Mai	Sở Y Tế Nghệ An	40572
2	101DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1.06.N2	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty Dược Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	Đơn vị	2.000	2.000	2.000	2.000	8.000	54.900	439.200.000	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình	Sở Y Tế Quảng Bình	44003
2	101DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1.06.N2	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty Dược Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	Đơn vị	4.000	4.000	4.000	4.000	16.000	54.900	878.400.000	Bệnh viện đa khoa khu vực Quảng Nam	Sở Y Tế Quảng Nam	49005
2	101DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1.06.N2	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty Dược Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	Đơn vị	1.000	1.000	1.000	1.000	4.000	54.900	219.600.000	Bệnh viện đa khoa Thái Bình Dương	Sở Y Tế Quảng Nam	49154
2	101DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1.06.N2	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty Dược Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	Đơn vị	4.800	4.800	4.800	4.800	19.200	54.900	1.054.080.000	Bệnh viện đa khoa Thái Bình Dương - Tam Kỳ	Sở Y Tế Quảng Nam	49176

STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Nhóm TCKT	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GBKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Triển độ cung cấp (*)				Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Cơ sở y tế	Dầu mũi đóng hộp nhau	Mã KCB
														Dợt 1	Dợt 2	Dợt 3	Dợt 4						
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần được phẩm Inespharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	500	500	500	500	2.000	54.900	109.800.000	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Nam	Sở Y Tế Quảng Nam	49001
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần được phẩm Inespharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	40	80	80	40	240	54.900	13.176.000	Bệnh viện Mắt Quảng Nam	Sở Y Tế Quảng Nam	49177
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần được phẩm Inespharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	360	360	360	360	1.440	54.900	79.056.000	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch Quảng Nam	Sở Y Tế Quảng Nam	49016
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần được phẩm Inespharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	800	800	800	800	3.200	54.900	175.680.000	Trung tâm Y tế huyện Quế Sơn	Sở Y Tế Quảng Nam	49008
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần được phẩm Inespharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	1.000	1.000	1.000	1.000	4.000	54.900	219.600.000	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	Sở Y Tế Quảng Ngãi	51001
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần được phẩm Inespharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	80	120	120	80	400	54.900	21.960.000	Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Hải	Sở Y Tế Quảng Trị	45011
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần được phẩm Inespharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	1.200	1.200	1.200	1.200	4.800	54.900	263.520.000	Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh	Sở Y Tế Thanh Hóa	38250
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần được phẩm Inespharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	400	800	800	800	2.800	54.900	153.720.000	Bệnh viện đa khoa huyện Như Xuân	Sở Y Tế Thanh Hóa	38070
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần được phẩm Inespharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	800	800	800	800	3.200	54.900	175.680.000	Bệnh viện đa khoa Thị xã Bìn Sơn	Sở Y Tế Thanh Hóa	38020
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần được phẩm Inespharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	1.000	1.000	1.000	1.000	4.000	54.900	219.600.000	Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	38280
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần được phẩm Inespharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	960	960	960	960	3.840	54.900	210.816.000	Bệnh viện nhi Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	38287
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần được phẩm Inespharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	400	400	400	400	1.600	54.900	87.840.000	Bệnh viện ung bướu tỉnh Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	38744
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần được phẩm Inespharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	200	200	200	200	800	54.900	43.920.000	Bệnh viện Da liễu tỉnh Thừa Thiên Huế	Sở Y Tế Thừa Thiên Huế	46010
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần được phẩm Inespharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	400	400	400	400	1.600	54.900	87.840.000	TTYT huyện Phú Lộc	Sở Y Tế Thừa Thiên Huế	46127
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần được phẩm Inespharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	1.600	1.600	1.600	1.600	6.400	54.900	351.360.000	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	Sở Y Tế Bình Định	52001
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần được phẩm Inespharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	200	200	200	200	800	54.900	43.920.000	Trung tâm y tế thị xã Hoài Nhơn	Sở Y Tế Bình Định	52014
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần được phẩm Inespharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	160	160	160	160	640	54.900	35.136.000	Trung tâm y tế huyện Phù Cát	Sở Y Tế Bình Định	52009
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần được phẩm Inespharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	240	240	240	240	960	54.900	52.704.000	Trung tâm y tế huyện Hàm Tân	Sở Y Tế Bình Thuận	60019
2	J01DC01.0 1.06.N2	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần được phẩm Inespharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	400	400	400	400	1.600	54.900	87.840.000	Trung tâm y tế huyện MDak	Sở Y Tế Đắk Lắk	66006

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Nhóm TKT	Hạn dùng (tuổi thọ)	Cơ sở sản xuất hoặc GPKH	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Dạng 1	Dạng 2	Dạng 3	Dạng 4	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Cơ sở y tế	Dầu mỡ tổng hợp nhũ màu	Mã KCB
2	J01DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Việt Nam	Lọ	80	80	80	80	320	54.900	17.568.000	Trung tâm y tế huyện Krông Bông	Sở Y Tế Đắk Lắk	66007
2	J01DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Việt Nam	Lọ	400	400	400	400	1.600	54.900	87.840.000	Trung tâm y tế huyện Krông Pắc	Sở Y Tế Đắk Lắk	66004
2	J01DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Việt Nam	Lọ	650	650	650	650	2.600	54.900	142.740.000	Trung tâm y tế H Đắk Lắk	Sở Y Tế Đắk Nông	67014
2	J01DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Việt Nam	Lọ	120	120	120	120	480	54.900	26.352.000	Bệnh viện đa khoa TX Buôn Hồ	Sở Y Tế Đắk Lắk	66220
2	J01DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Việt Nam	Lọ	720	720	720	720	2.880	54.900	158.112.000	Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	Trung tâm Múa sấm tập	49013
2	J01DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Việt Nam	Lọ	546	546	546	546	2.184	54.900	119.901.600	Bệnh viện Chính hình và Phục hồi chức năng Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	48120
2	J01DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Việt Nam	Lọ	3.000	3.000	3.000	3.000	12.000	54.900	658.800.000	Bệnh viện Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	48001
2	J01DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Việt Nam	Lọ	1.872	1.872	1.872	1.872	7.488	54.900	411.091.200	Bệnh viện Quân Y 17 - Cục Hậu cần	Sở Y Tế Đà Nẵng	48006
2	J01DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Việt Nam	Lọ	56	56	56	56	224	54.900	12.297.600	Bệnh viện Răng-Hàm-Mặt thành phố Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	48206
2	J01DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Việt Nam	Lọ	7.967	7.967	7.967	7.967	31.867	54.900	1.749.498.300	Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	48126
2	J01DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Việt Nam	Lọ	288	288	288	288	1.152	54.900	63.244.800	Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Bình Dân	Sở Y Tế Đà Nẵng	48073
2	J01DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Việt Nam	Lọ	480	480	480	480	1.920	54.900	105.408.000	Trung tâm y tế quận Sơn Trà	Sở Y Tế Đà Nẵng	48005
2	J01DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Việt Nam	Lọ	264	264	264	264	1.056	54.900	57.974.400	Trung tâm y tế quận Thanh Khê	Sở Y Tế Đà Nẵng	48004
2	J01DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Việt Nam	Lọ	420	420	420	420	1.680	54.900	92.232.000	Bệnh viện 199 - Bộ Công An	Sở Y Tế Đà Nẵng	48065
2	J01DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Việt Nam	Lọ	740	740	740	740	2.960	54.900	162.504.000	Trung tâm y tế quận Liên Chiểu	Sở Y Tế Đà Nẵng	48008
2	J01DC01.0	Cefoxitin 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VD-26841-17	Việt Nam	Lọ	93.398	93.398	93.398	93.398	377.515	54.900	20.725.573.500			

(*) Mỗi đợt là 03 tháng